

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ BẮC THANH MIỆN**

PHỤ LỤC 1A

**Thực trạng số lượng, quy mô số hộ gia đình tại các thôn
trên địa bàn xã Bắc Thanh Miện ngày 20/5/2026**

(Kèm theo Đề án số 05/ĐA-UBND ngày 22/6/2026 của UBND xã Bắc Thanh Miện)

STT	Tên thôn/tổ dân phố	Quy mô thôn/tổ dân phố					Số người hoạt động không chuyên trách ở thôn/ tổ dân phố	Số người tham gia hoạt động trực tiếp ở thôn/tổ dân phố	Ghi chú
		Số hộ gia đình	Đạt tỷ lệ so với quy định	Tổng số dân	Diện tích (ha)	Yếu tố đặc thù (nếu có)			
A	I	2	3	4	5	6	7	8	9
	Tổng	8,068		26,710	2,525		34	50	
	Xã Bắc Thanh Miện								
1	Thôn Hữu Chung	367	91.75	1179	106.88		2	4	
2	Thôn An Sơn	870	217.5	3001	242.62		2	3	
3	Thôn An Lâu	395	98.75	1230	133.02		2	3	
4	Thôn Bích Thủy	301	75.25	965	90.36		2	3	
5	Thôn Liên Đông	1,184	296	3832	342.24		2	3	
6	Thôn Đại Đồng	251	62.75	776	81.54		2	2	
7	Thôn Lâm Kiều	388	97	1229	146.38		2	4	
8	Thôn Hoàn Bồ	596	149	1982	201.37		2	3	
9	Thôn Phương Quan	234	58.5	754	84.36		2	3	
10	Thôn Chỉ Trung	342	85.5	1094	142.15		2	4	
11	Thôn Phú Thanh Xá	419	104.75	1383	128.71		2	3	
12	Thôn Vĩnh Mộ	410	102.5	1345	136.57		2	2	
13	Thôn Kim Trang Đông	323	80.75	1119	64.50		2	3	
14	Thôn Kim Trang Tây	343	85.75	1119	116.19		2	2	
15	Thôn Lam Sơn	211	52.75	696	78.92		2	1	
16	Thôn Thọ Xuyên	403	100.75	1391	120.03		2	2	
17	Thôn Thọ Trương	1031	257.75	3615	308.67		2	5	

STT	Tên thôn/tổ dân phố	Quy mô thôn/tổ dân phố					Số người hoạt động không chuyên trách ở thôn/ tổ dân phố	Số người tham gia hoạt động trực tiếp ở thôn/tổ dân phố	Ghi chú
		Số hộ gia đình	Đạt tỷ lệ so với quy định	Tổng số dân	Diện tích (ha)	Yếu tố đặc thù (nếu có)			
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ BẮC THANH MIỆN**

PHỤ LỤC 1B
Tổng hợp thực trạng quy mô số hộ gia đình của thôn
trên địa bàn xã Bắc Thanh Miện

(Kèm theo Đề án số 05/ĐA-UBND ngày 22/6/2026 của UBND xã Bắc Thanh Miện)

TT	Tên địa phương	Số hộ (hộ)	Số nhân khẩu (người)	Số đảng viên (người)	Số thôn hiện có				Ghi chú	
					Tổng số	Trong đó quy mô số hộ gia đình				
						Dưới 50%	Từ 50% đến dưới 70%	Từ 70% đến dưới 100%		Từ 100% trở lên
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Xã Bắc Thanh Miện	8,068	26,710	899	17	0	3	7	7	

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ BẮC THANH MIỆN**

PHỤ LỤC SỐ 2

Tổng hợp số lượng các tổ chức của thôn trên địa bàn xã Bắc Thanh Miện

(Kèm theo Đề án số 05 /ĐA-UBND ngày 22 /6/2026 của UBND xã Bắc Thanh Miện)

TT	Tên địa phương	Số lượng thôn	Các tổ chức tại thôn														So sánh trước khi sắp xếp và sau sắp xếp	Ghi chú
			Trước khi sắp xếp thôn							Sau khi sắp xếp thôn								
			Tổng số	Trong đó						Tổng số	Trong đó							
				Chi bộ	Ban công tác Mặt trận	Chi hội CCB	Chi hội phụ nữ	Chi đoàn TN	Chi hội nông dân		Chi bộ	Ban công tác Mặt trận	Chi hội CCB	Chi hội phụ nữ	Chi đoàn TN	Chi hội nông dân		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	15	17	18=11-4	19
1	Bắc Thanh Miện	17	102	17	17	17	17	17	17	60	10	10	10	10	10	10	-42	

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ BẮC THANH MIỆN**

PHỤ LỤC 3A

Danh sách người hoạt động không chuyên trách ở thôn trên địa bàn xã Bắc Thanh Miện

(Kèm theo Đề án số 05/ĐA-UBND ngày 22/6/2026 của UBND xã Bắc Thanh Miện)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh Người hoạt động KCT ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
I	Thôn Thọ Trương														
1	Bùi Xuân Nghi	10/05/1973		1	Trưởng thôn	2.1			1		0	0	0	1	
2	Nguyễn Văn Phú	09/01/1961		1	BTChi bộ - TBCTMTT	3.9				1	0	0	0	1	
II	Thôn Kim Trang Tây														
1	Nguyễn Văn Giới	27/2/1961		1	Trưởng thôn	1.6				1	0	0	0	1	
2	Phạm Văn Khuê	01/01/1964		1	BTChi bộ - TBCTMTT	2.9				1	0	0	0	1	
III	Thôn Thọ Xuyên														
1	Nguyễn Văn Lộc	19/7/1986		1	Trưởng thôn	2.1		1			0	1	0	0	
2	Nguyễn Thị Duyên	26/10/1984	1		BTChi bộ - TBCTMTT	3.9		1			0	1	0	0	
IV	Thôn Lam Sơn														
1	Lê Quang Dũng	15/11/1966		0	Trưởng thôn	1.6			1		0	0	0	1	
2	Nguyễn Văn Thịnh	15/9/1962		1	BTChi bộ - TBCTMTT	2.9				1	0	0	0	1	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh Người hoạt động KCT ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
V	Thôn Kim Trang Đông														
1	Nguyễn Văn Cước	09/02/1953		1	Trưởng thôn	1.6				1	0	0	0	1	
2	Mai Văn Khá	09/10/1987		1	BTChi bộ - TBCTMTT	2.9	1				0	1	0	0	
VI	Thôn Hoàn Bò														
1	Phan Thị Thu	10/11/1972	1		Trưởng thôn	2.1			1		0	0	0	1	
2	Phạm Văn Thuý	31/5/1969		1	BTChi bộ - TBCTMTT	3.9			1		0	0	0	1	
VII	Thôn Lâm Kiều														
1	Nguyễn Đức Thuận	07/01/1973		1	Trưởng thôn	2.1			1		0	0	0	1	
2	Phan Thị Hồng	01/09/1964	1		BTChi bộ - TBCTMTT	3.9				1	0	0	0	1	
VIII	Thôn Phú Thanh Xá														
1	Trần Văn Hoan	15/2/1967		1	Trưởng thôn	2.1			1		0	0	0	1	
2	Nguyễn Văn Đàng	23/4/1976		1	BTChi bộ - TBCTMTT	3.9		1			0	0	1	0	
IX	Thôn Chỉ Trung														
1	Kim Văn Lý	15/2/1960		1	Trưởng thôn	1.6				1	0	0	0	1	
2	Phạm Văn Tô	14/11/1966		1	BTChi bộ - TBCTMTT	2.9			1		0	0	0	1	
X	Thôn Đại Đồng														
1	Bùi Văn Chính	07/01/1976		1	Trưởng thôn	1.6			1		0	0	0	1	
2	Bùi Văn Khương	01/08/1994		1	BTChi bộ - TBCTMTT	2.9	1				0	0	0	1	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh Người hoạt động KCT ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
XI	Thôn Phương Quan														
1	Vũ Dũng Khoát	19/7/1963		1	Trưởng thôn	1.6				1	0	0	0	1	
2	Nguyễn Tiến Tạo	18/3/1959		1	BTChi bộ - TBCTMTT	2.9				1	0	0	0	1	
XII	Thôn Vĩnh Mộ														
1	Vũ Tiến Đát	17/3/1976		1	Trưởng thôn	2.1			1		0	0	0	1	
2	Vũ Thị Ý	05/06/1971	1		BTChi bộ - TBCTMTT	3.9			1		0	0	0	1	
XIII	Thôn Liên Đông														
1	Nguyễn Văn Thương	03/10/1978		1	Trưởng thôn	2.1		1			0	0	0	1	
2	Nguyễn Văn Phúc	17/12/1963		1	BTChi bộ - TBCTMTT	3.9				1	0	0	0	1	
XIV	Thôn Bích Thủy														
1	Phạm Văn Bách	25/5/1982		1	Trưởng thôn	1.6		1			0	0	0	1	
2	Phạm Văn Đạc	03/12/1966		1	BTChi bộ - TBCTMTT	2.9			1		0	0	0	1	
XV	Thôn Hữu Chung														
1	Trương Văn Tin	18/8/1967		1	Trưởng thôn	2.1			1		0	0	0	1	
2	Trương Văn Thật	28/8/1962		1	BTChi bộ - TBCTMTT	3.9				1	0	0	0	1	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh Người hoạt động KCT ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
XVI	Thôn An Lâu														
1	Nay Y Soái	10/09/1974		1	Trưởng thôn	2.1			1		0	0	0	1	
2	Nguyễn Văn Hoá	27/11/1959		1	BTChi bộ - TBCTMTT	3.9				1	0	0	0	1	
XVII	Thôn An Sơn														
1	Nguyễn Thị Liễu	29/12/1964	1		Trưởng thôn	2.1			1		0	0	0	1	
2	Nguyễn Văn Phóng	19/2/1961		1	BTChi bộ - TBCTMTT	3.9				1	0	0	0	1	
	Tổng số	34	5	29			2	5	14	13	0	3	1	30	

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ BẮC THANH MIỆN**

PHỤ LỤC 3B

Danh sách người tham gia hoạt động trực tiếp ở thôn trên địa bàn xã Bắc Thanh Miện

(Kèm theo Đề án số 05/ĐA-UBND ngày 22/6/2026 của UBND xã Bắc Thanh Miện)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh tham gia hoạt động trực tiếp ở thôn	Mức phụ cấp/ hỗ trợ hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
I	Thôn Thọ Trương														
1	Trương Mậu Báo	20/10/1960		0	Phó Trưởng thôn	2,340,000				1	0	0	0	1	
2	Vũ Văn Bạ	20/04/1964		0	Tổ Trưởng tổ ANTT	1,600,000				1	0	0	0	1	
3	Nguyễn Duy Phú	09/01/1961		0	Tổ Phó tổ ANTT	1,400,000				1	0	0	0	1	
4	Vũ Văn Luận	26/06/1976		0	Tổ viên tổ ANTT	1,200,000			1		0	0	0	1	
5	Phạm Văn Nhi	06/10/1967		0	Tổ viên tổ ANTT	1,200,000			1		0	0	0	1	
II	Thôn Kim Trang Tây														
1	Phạm Hồng Tam	24/12/1958		0	Phó Trưởng thôn	2,106,000				1	0	0	0	1	
2	Mai Công Chiến	01/10/1997		0	Tổ viên tổ ANTT	1,200,000	1				0	0	0	1	
III	Thôn Thọ Xuyên														
1	Phạm Đình Hanh	01/03/1959		0	Phó Trưởng thôn	2,340,000				1	0	0	1	0	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh tham gia hoạt động trực tiếp ở thôn	Mức phụ cấp/ hỗ trợ hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp	
2	Vũ Văn Đà	18/10/1968		0	Tổ Phó tổ ANTT	1,400,000			1		0	0	0	1	
IV	Thôn Lam Sơn														
1	Vũ Đức Tuấn	10/10/1958		0	Tổ Trưởng tổ ANTT	1,600,000				1	0	0	0	1	
V	Thôn Kim Trang Đông														
1	Vũ Văn Hiền	17/3/1964		1	Phó Trưởng thôn	2,106,000				1	0	0	0	1	
2	Lê Văn Đăng	05/07/1964			Tổ Trưởng tổ ANTT	1,600,000				1	0	0	0	1	
3	Mai Lưu Luyện	04/10/1964			Tổ viên tổ ANTT	1,200,000				1	0	0	0	1	
VI	Thôn Hoàn Bò														
1	Bùi Như Tiền	23/3/1966		0	Phó Trưởng thôn	2,340,000			1		0	0	0	1	
2	Bùi Văn Đều	05/08/1963			Tổ Phó tổ ANTT	1,400,000				1	0	0	0	1	
3	Bùi Trung Tuyển	04/09/1992			Tổ viên tổ ANTT	1,200,000	1				0	0	0	1	
VII	Thôn Lâm Kiều														
1	Phan Hữu Lộc	18/3/1965		0	Phó Trưởng thôn	2,340,000				1	0	0	0	1	
2	Phan Hữu Vụ	05/05/1956		0	Tổ Trưởng tổ ANTT	1,600,000				1	0	0	0	1	
3	Phan Đình Huy	07/02/1965		0	Tổ Phó tổ ANTT	1,400,000				1	0	0	0	1	
4	Phan Hữu Hào	19/4/1960		0	Tổ viên tổ ANTT	1,200,000				1	0	0	0	1	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh tham gia hoạt động trực tiếp ở thôn	Mức phụ cấp/ hỗ trợ hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp	
VIII	Thôn Phú Thanh Xá														
1	Phan Đình Nhân	15/8/1967		0	Phó Trưởng thôn	2,340,000			1		0	0	0	1	
2	Lã Huy Dậu	10/06/1969		0	Tổ Trưởng tổ ANTT	1,600,000			1		0	0	0	1	
3	Lã Trung Thực	22/12/1976		0	Tổ viên tổ ANTT	1,200,000			1		0	0	0	1	
IX	Thôn Chỉ Trung														
1	Lã Huy Hà	19/5/1971		1	Phó Trưởng thôn	2,106,000			1		0	0	0	1	
2	Trần Văn Tiệp	14/10/1956		0	Tổ Trưởng tổ ANTT	1,600,000				1	0	0	0	1	
3	Hà Văn Thạch	10/08/1956		0	Tổ viên tổ ANTT	1,200,000				1	0	0	0	1	
4	Đỗ Văn Anh	04/07/1980		0	Tổ Phó tổ ANTT	1,400,000			1		0	0	0	1	
X	Thôn Đại Đồng														
1	Phạm Văn Sau	05/08/1956		0	Tổ Trưởng tổ ANTT	1,600,000				1	0	0	0	1	
2	Đặng Quốc Đạt	08/03/1976		0	Tổ Phó tổ ANTT	1,400,000			1		0	0	0	1	
XI	Thôn Phương Quan														
1	Nguyễn Văn Quyền	02/10/1968		0	Tổ Trưởng tổ ANTT	1,600,000			1		0	0	0	1	
2	Trần Văn Cừ	04/10/1975		0	Tổ Phó tổ ANTT	1,400,000			1		0	0	0	1	
3	Bùi Công Định	04/10/1974		0	Tổ viên tổ ANTT	1,200,000			1		0	0	0	1	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh tham gia hoạt động trực tiếp ở thôn	Mức phụ cấp/ hỗ trợ hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp	
XII	Thôn Vĩnh Mộ														
1	Vũ Anh Tươi	14/7/1954		0	Tổ Trưởng tổ ANTT	1,600,000				1	0	0	0	1	
2	Trần Ngọc Chuyên	11/01/1962		0	Tổ viên tổ ANTT	1,200,000				1	0	0	0	1	
XIII	Thôn Liên Đông														
1	Nguyễn Văn Thạch	13/3/1969		1	Phó Trưởng thôn	2,340,000			1		0	0	0	1	
2	Nguyễn Văn Hùng	01/01/1963		0	Tổ viên tổ ANTT	1,200,000				1	0	0	0	1	
3	Nguyễn Văn Chất	19/2/1969		0	Tổ viên tổ ANTT	1,200,000			1		0	0	0	1	
XIV	Thôn Bích Thủy														
1	Phạm Văn Phán	12/02/1962		1	Tổ Trưởng tổ ANTT	1,600,000				1	0	0	0	1	
2	Đặng Văn Sang	29/11/1966		1	Tổ viên tổ ANTT	1,200,000			1		0	0	0	1	
3	Trịnh Xuân Đạt	26/8/1971		1	Tổ viên tổ ANTT	1,200,000			1		0	0	0	1	
XV	Thôn Hữu Chung														
1	Trương Đình Nho	10/05/1957		1	Phó Trưởng thôn	2,340,000				1	0	0	0	1	
2	Phan Văn Hội	01/01/1970		0	Tổ Trưởng tổ ANTT	1,600,000			1		0	0	0	1	
3	Nhữ Văn Dụng	21/10/1973		1	Tổ Phó tổ ANTT	1,400,000			1		0	0	0	1	
4	Trương Hữu Thế	30/4/1998		1	Tổ viên tổ ANTT	1,200,000	1				0	0	0	1	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh tham gia hoạt động trực tiếp ở thôn	Mức phụ cấp/ hỗ trợ hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp	
XVI	Thôn An Lâu														
1	Nhữ Song Thọ	06/05/1958		1	Phó Trưởng thôn	2,340,000				1	0	0	0	1	
2	Nguyễn Văn Huỳnh	22/12/1960		0	Tổ Trưởng tổ ANTT	1,600,000				1	0	0	0	1	
3	Đỗ Tất Tiệm	11/12/1970		0	Tổ Phó tổ ANTT	1,400,000			1		0	0	0	1	
XVII	Thôn An Sơn														
1	Phạm Tiến Nghiêm	11/08/1967		1	Tổ Trưởng tổ ANTT	1,600,000			1		0	0	0	1	
2	Vũ Văn Phích	03/01/1966		0	Tổ Phó tổ ANTT	1,400,000			1		0	0	0	1	
3	Nguyễn Văn Cần	26/3/1969		1	Tổ viên tổ ANTT	1,200,000			1		0	0	0	1	
	Tổng số 50 người		0	11			3	0	23	24	0	0	1	49	

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ BẮC THANH MIỆN**

PHỤ LỤC 4

Phương án sắp xếp, tổ chức lại thôn trên địa bàn xã Bắc Thanh Miện
(Kèm theo Đề án số 05/ĐA-UBND ngày 22 /6/2026 của UBND xã Bắc Thanh Miện)

TT	Tên thôn cũ	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Diện tích (ha)	Phương án sắp xếp, tổ chức lại						Tỷ lệ % số hộ của Thôn sau sắp xếp so với quy mô số hộ gia đình theo quy định
					Phương án, tên thôn mới	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Diện tích (ha)	Cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội phục vụ sinh hoạt của cộng đồng dân cư	Lý do đề nghị sáp nhập	
1	2	3		4	6	7	8	9	10	11	12
BẮC THANH MIỆN: Sắp xếp, sáp nhập 13 thôn thành 06 thôn mới, giữ nguyên 04 thôn. Sau sắp xếp có 10 thôn đảm bảo quy mô số hộ gia đình; giảm 07 thôn											
1	Thôn Bích Thủy	301	965	90.36	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại 03 thôn Bích Thủy, thôn Hữu Chung, thôn An Lâu với nhau để thành lập 01 thôn Hồng Quang	1063	3,374	330.26	03 Nhà văn hóa	Ba thôn không đảm bảo về quy mô dân số. Có điểm tương đồng cùng đơn vị hành chính xã Hồng Quang cũ và có vị trí liền kề nhau.	265.75
	Thôn Hữu Chung	367	1,179	106.88							
	Thôn An Lâu	395	1230	133.02							
2	Thôn Phương Quan	234	754	84.36	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại 02 Thôn Phương Quan và thôn Lâm Kiều với nhau để thành lập 01 thôn Lê Hồng	622	1983	230.74	02 Nhà văn hóa	Hai thôn không đảm bảo về quy mô dân số. Có điểm tương đồng cùng đơn vị hành chính xã Lê Hồng cũ và có vị trí liền kề nhau.	155.50
	Thôn Lâm Kiều	388	1,229	146.38							
3	Thôn Phí Thanh Xá	419	1,383	128.71	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại 02 Thôn Phí Thanh Xá và thôn Chi	761	2477	270.86	02 Nhà văn hóa	Thôn Chi Trung không đảm bảo về quy mô dân số. Có điểm tương đồng cùng đơn vị	190.25

TT	Tên thôn cũ	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Diện tích (ha)	Phương án sắp xếp, tổ chức lại						Tỷ lệ % số hộ của Thôn sau sắp xếp so với quy mô số hộ gia đình theo quy định
					Phương án, tên thôn mới	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Diện tích (ha)	Cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội phục vụ sinh hoạt của cộng đồng dân cư	Lý do đề nghị sáp nhập	
1	2	3		4	6	7	8	9	10	11	12
3	Thôn Chi Trung	342	1,094	142.15	Trung với nhau để thành lập 01 thôn Hồng Thái	701	2.477	270.00	02 Nhà văn hóa	Có điểm tương đồng cùng đơn vị hành chính xã Lê Hồng cũ và có vị trí liền kề nhau.	190.25
4	Thôn Hoành Bò	596	1,982	201.37	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại 02 Thôn Hoành Bò và thôn Đại Đồng với nhau để thành lập 01 thôn Hoành Bò	847	2758	282.91	02 Nhà văn hóa	Thôn Đại Đồng không đảm bảo về quy mô dân số. Có điểm tương đồng cùng đơn vị hành chính xã Lê Hồng cũ và có vị trí liền kề nhau.	211.75
	Thôn Đại Đồng	251	776	81.54							
5	Thôn Kim Trang Đông	323	1,119	64.50	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại 02 thôn Kim Trang Đông và thôn Kim Trang Tây để thành lập 01 thôn Kim Trang	666	2238	180.69	02 Nhà văn hóa	02 tổ dân phố có vị trí liền kề nhau; có 01 TDP quy mô từ 50% đến dưới 70% số hộ gia đình và 01 TDP có quy mô trên 100% số hộ gia đình; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	166.50
	Thôn Kim Trang Tây	343	1,119	116.19							
6	Thôn Lam Sơn	211	696	78.92	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại 02 thôn Lam Sơn và thôn Thọ Xuyên để thành lập 01 thôn Thọ Sơn	614	2087	208.95	02 Nhà văn hóa	Thôn Lam Sơn không đảm bảo về quy mô dân số. Có điểm tương đồng cùng đơn vị hành chính xã Lê Hồng cũ và có vị trí liền kề nhau.	153.50
	Thôn Thọ Xuyên	403	1,391	130.03							
7	Thôn An Sơn	870	3001	242.62	Giữ nguyên	870	3001	242.62	01 Nhà văn hóa	Giữ nguyên	242.62

TT	Tên thôn cũ	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Diện tích (ha)	Phương án sắp xếp, tổ chức lại						Tỷ lệ % số hộ của Thôn sau sắp xếp so với quy mô số hộ gia đình theo quy định
					Phương án, tên thôn mới	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Diện tích (ha)	Cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội phục vụ sinh hoạt của cộng đồng dân cư	Lý do đề nghị sáp nhập	
1	2	3		4	6	7	8	9	10	11	12
8	Thôn Liên Đông	1,184	3832	342.24	Giữ nguyên	1,184	3832	342.24	01 Nhà văn hóa	Giữ nguyên	342.24
9	Thôn Vĩnh Mộ	410	1345	136.57	Giữ nguyên	410	1345	136.57	01 Nhà văn hóa	Giữ nguyên	136.57
10	Thôn Thọ Trương	1031	3615	308.67	Giữ nguyên	1031	3615	308.67	01 Nhà văn hóa	Giữ nguyên	308.67

Ghi chú : Liệt kê tất cả thôn, tổ dân phố trên địa bàn xã, phường, đặc khu (bao gồm cả sắp xếp, tổ chức lại và giữ nguyên).

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ BẮC THANH MIỆN

PHỤ LỤC 6A

Tổng hợp số lượng, quy mô thôn sau khi sắp xếp trên địa bàn xã Bắc Thanh Miện
(Kèm theo Đề án số 05/ĐA-UBND ngày 22/6/2026 của UBND xã Bắc Thanh Miện)

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Số thôn hiện có	Số thôn tiến hành sắp xếp				Số thôn sau sắp xếp				Số lượng phương án sắp xếp			Số thôn, tổ dân phố chưa đảm bảo quy mô nhưng không thực hiện sắp xếp	Số thôn, tổ dân phố giảm sau khi sắp xếp	Số người HĐ KCT dự kiến giảm	Số người tham gia hoạt động trực tiếp dự kiến giảm	Trụ sở nhà văn hóa đôi dư	Ghi chú		
			Tổng số	Trong đó quy mô			Tổng số	Trong đó quy mô			Sắp xếp 02 thôn/ TDP	Sắp xếp 03 thôn/ TDP	Sắp xếp từ 04 thôn/ TDP trở lên								
				Dưới 50%	Từ 50% đến dưới 70%	Từ 70% đến dưới 100%		Từ 100% trở lên	Dưới 50%	Từ 50% đến dưới 70%										Từ 70% đến dưới 100%	Từ 100% trở lên
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
1	XÃ BẮC THANH MIỆN	17	13	0	3	7	3	10	0	0	0	10	5	1	0	0	7	14	23	có đôi dư, đề nghị tiếp tục sử dụng để làm các điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng	

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ BẮC THANH MIỆN**

PHỤ LỤC 7

Tổng hợp thực trạng, phương án xử lý, bố trí trụ sở nhà văn hóa, khu thể thao sau sắp xếp thôn trên địa bàn xã Bắc Thanh Miện
(Kèm theo Đề án số 05/ĐA-UBND ngày 22/06/2026 của UBND xã Bắc Thanh Miện)

TT	Tên thôn	Thuộc phương án sắp xếp thôn, tổ dân phố	Tổng số nhà văn hóa và khu thể thao hiện có			Số lượng dôi dư sau sắp xếp			Phương án xử lý, bố trí			Thuyết minh phương án xử lý, bố trí	Ghi chú
			Tổng số	Nhà văn hóa	Khu thể thao	Tổng số	Nhà văn hóa	Khu thể thao	Tiếp tục sử dụng	Chuyển giao cho quan có thẩm quyền quản lý, sử dụng	Phương án khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	Bích Thủy	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn Bích Thủy, Hữu Chung, An Lâu để thành lập thôn Hồng Quang	5	3	2	3	2	1	5	0	0	Đề nghị tiếp tục sử dụng 3 nhà văn hoá và 02 khu thể thao để làm các điểm sinh hoạt văn hoá cộng đồng	
	Hữu Chung												
	An Lâu												
2	Phương Quan	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn Phương Quan, Lâm Kiêu để thành lập thôn Lê Hồng	2	2	0	1	1	0	2	0	0	Đề nghị tiếp tục sử dụng 2 nhà văn hoá và để làm các điểm sinh hoạt văn hoá cộng đồng	
	Lâm Kiêu												
3	Phí Thanh Xá	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn Phí Thanh Xá, Chi Trung để thành lập thôn Hồng Thái	4	2	2	2	1	1	4	0	0	Đề nghị tiếp tục sử dụng 02 nhà văn hoá và 01 khu thể thao để làm các điểm sinh hoạt văn hoá cộng đồng	
	Chi Trung												

TT	Tên thôn	Thuộc phương án sắp xếp thôn, tổ dân phố	Tổng số nhà văn hóa và khu thể thao hiện có			Số lượng dôi dư sau sắp xếp			Phương án xử lý, bố trí			Thuyết minh phương án xử lý, bố trí	Ghi chú
			Tổng số	Nhà văn hóa	Khu thể thao	Tổng số	Nhà văn hóa	Khu thể thao	Tiếp tục sử dụng	Chuyển giao cho quan có thẩm quyền quản lý, sử dụng	Phương án khác		
4	Hoành Bồ	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn Hoành Bồ, Đại Đồng để thành lập thôn Hoành Bồ	4	2	2	2	1	1	4	0	0	Đề nghị tiếp tục sử dụng 02 nhà văn hoá và 02 khu thể thao để làm các điểm sinh hoạt văn hoá cộng đồng	
	Đại Đồng												
5	Kim Trang Đông	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn Kim Trang Đông, Kim Trang Tây để thành lập thôn Kim Trang	4	2	2	2	1	1	4	0	0	Đề nghị tiếp tục sử dụng 02 nhà văn hoá và 02 khu thể thao để làm các điểm sinh hoạt văn hoá cộng đồng	
	Kim Trang Tây												
6	Lam Sơn	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn Lam Sơn, Thọ Xuyên để thành lập thôn Thọ Sơn	4	2	2	2	1	1	4	0	0	Đề nghị tiếp tục sử dụng 02 nhà văn hoá và 02 khu thể thao để làm các điểm sinh hoạt văn hoá cộng đồng	
	Thọ Xuyên												
Tổng			23	13	10	12	7	5	23	0	0		